TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày 25-01-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Ngọc Thanh là Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLPT-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Đức T - Có mặt;
Bà Vũ Thị Đ - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Phương Ngọc D - là Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Vạn Lý tại Tây Nguyên thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc Th - Có mặt;
Bà Lê Thị T - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:* Ông Đào Lữ H - Vắng mặt;
Bà Mai Thị H - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Ông Đào Thanh H - Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Ông Yên Văn V; địa chỉ: Thôn Khu phố N, thị trấn T, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận - Vắng mặt;

Ông Đào Hồng H - Có mặt;

Địa chỉ: Tổ C, phường P, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Ông Trần Văn T - Có mặt;

Địa chỉ: Tổ D, phường P, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Ông Hồ Minh H - Có mặt;

Bà Phạm Thị T - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2016 và lời trình bày của nguyên đơn ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ:

Ngày 20/10/2009, ông Đào Lữ H chuyển nhượng cho ông Hoàng Đức T thửa đất số 63, tờ bản đố số 03, diện tích 1.760m^2 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.460m^2 đã trồng cà phê, điều, có làm giấy viết tay (BL 149), với giá 80.000.000 đồng, đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng ổn định, ông H đã giao hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T tự làm thủ tục chuyển nhượng. Đến ngày 02/6/2011, mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 08/4/2014 ông T, bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên.

Khi giao đất không đo đạc đất thực tế, có chỉ ranh giới hiện trạng sử dụng, ranh giới đất giữa đất gia đình ông Th và đất ông H có hai hàng mít to, hàng phía bên đất ông T mua là do ông H trồng và đã cắt bán hết trước khi chuyển nhượng cho ông T, hàng phía bên đất của ông Th là do ông Th trồng, hiện nay vẫn còn lại 03 cây. Năm 2013, ông Th trồng trồng thêm 08 cây cà phê, do chưa chưa phát hiện ông Th lấn đất nên ông không có ý kiến gì. Năm 2014, ông T trồng 04 bụi chuối rừng trên đất của gia đình ông, đến tháng 9/2015 ông Th chặt phá hết, vì cho rằng trồng trên đất ông Th, ông chứng kiến nhưng không báo chính quyền địa phương.

Năm 2015, ông Th làm hàng rào chôn cột gỗ lấn qua của gia đình ông 70cm, khi ông có ý kiến thì ông Th đã trực tiếp ra căng dây, ông là người chôn trụ gỗ để làm ranh giới, khi gia đình ông đi vắng ông Th đã nhổ bỏ hết và lấn qua đất của gia đình ông diện tích 323,3m^2, có tứ cận:

- Phía Đông giáp sình rộng 02m - Phía Tây giáp đường bê tông rộng 3,3m;
- Phía Nam giáp đất ông Tdài 131m - Phía Bắc giáp đất ông Tdài 131m.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà T phải trả lại cho ông bà diện tích đã lấn chiếm là 323,3m^2 và yêu cầu phải bồi thường thiệt hại 04 bụi chuối rừng trị giá 2.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Lê Quốc Th và bà Lê Thị T trình bày:

Năm 1988, gia đình ông khai hoang lô đất rẫy tại Thôn A, xã Đ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông. Sau khi khai hoang gia đình ông đã làm nhà, trồng cà phê và trồng một số cây ăn trái đồng thời trồng một hàng cây mít trên đất của gia đình ông để làm ranh giới, hiện nay vẫn còn lại 03 cây. Phía bên gia đình ông H, bà H cũng trồng một hàng cây mít, hai hàng mít cách nhau khoảng 50cm. Hàng mít phía bên đất của gia đình ông H thì đã cưa hết trước khi chuyển nhượng đất cho gia đình ông T, sau khi nhận chuyển nhượng ông T đã múc gốc cây mít để trồng cà phê. Ngày 30/11/1995, được Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm 02 thửa: Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.700m^2 và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.860m^2 nhưng trên thực tế gia đình sử dụng chung không xác định được ranh giới từng thửa, gia đình ông bà sử dụng ổn định từ năm 1988 cho đến nay. Ông bà khẳng định không lấn chiếm đất của gia đình ông T, bà Đ và không chặt phá chuối của ông bà nên không chấp nhận trả lại đất và bồi thường thiệt hại giá trị 04 bụi chuối rừng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp đã Quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ đối với ông Lê Quốc Th và bà Lê Thị T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 323,3m^2 và bồi thường thiệt hại giá trị 04 bụi chuối rừng là 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2017 ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất 323,3m^2 và bồi thường giá trị 04 bụi chuối là 2.000.000 đồng. Bị đơn xác định ranh giới đất giữa hai gia đình rõ ràng sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay, ông bà không có hành vi lấn chiếm đất, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tại trang 4 của bản án sơ thẩm đã khẳng định: *"Lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ giải thửa năm 1995 thì diện tích đất thực tế của ông Th có sang đất của gia đình ông T diện tích 588m^2"*. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc đất ngày 30/11/2017 thể hiện phần đất của gia đình ông T, bà Đ hiện đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T nhưng hiện nay gia đình ông Th đang sử dụng, cần phải căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng cứ có giá trị pháp lý cao nhất, đồng thời phải xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định hàng mít là của ai, do ai trồng để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản bán sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Quốc Th, bà Lê Thị T phải trả cho ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ 285,6m^2 đất và buộc bồi thường giá trị 04 bụi chuối là 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ yêu cầu ông Lê Quốc Th, bà Lê Thị T phải trả 323,3m^2 đất và bồi thường thiệt hại giá trị 04 bụi chuối rừng là 2.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ, sửa bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp về phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 23/11/2017, ông T, bà Đ đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà và đề nghị Toà án xem xét thẩm định tại chỗ, lồng ghép giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bản đồ đo năm 2011, kết quả diện tích đất tranh chấp 285,6m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Đức T. Tuy nhiên, diện tích đất này gia đình ông Th đã sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay, ranh giới giữa hai hộ rõ ràng và được các bên thừa nhận mốc ranh giới từ 03 cây mít do ông Th trồng hiện nay vẫn còn. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 30/11/2017 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đăk R'Lấp cho biết: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H, ông Th và hộ ông T là đúng theo quy định của pháp luật, nhưng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đào Lữ H và hộ ông Lê Quốc Th là căn cứ vào sơ đồ giải thửa đã được đo đạc từ trước, sau đó các hộ làm đơn kê khai trên cơ sở bản đồ giải thửa đã được đo đạc năm 1995, không tiến hành đo đạc lại. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T, bà Đ thì căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/6/2011 giữa ông Đào Lữ H, bà Mai Thị H với ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ đã được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, do chuyển nhượng nguyên thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện không đo đạc lại đất trên thực địa mà căn cứ vào hợp đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp cho hộ ông T. Như vậy, tại thời điểm cấp đất cho hộ ông H, ông Th, ông T cơ quan có thẩm quyền không tiến hành đo đạc, kiểm tra thực địa diện tích đất thực tế các hộ đang sử dụng, dẫn đến diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất thực tế sử dụng là có sự chênh lệch.

[2]. Quá trình giải quyết ông Hoàng Đức T thừa nhận nguồn gốc đất của gia đình ông là nhận chuyển nhượng của ông Đào Lữ H, bà Mai Thị H vào ngày 20/10/2009 (BL 149). Trước thời điểm chuyển nhượng gia đình ông H, bà H sử dụng đất ổn định không có tranh chấp, ranh giới đất giữa gia đình ông H với gia đình ông Th là 02 hàng mít to, hàng mít phía bên đất ông Th là do ông Th trồng và sử dụng, hàng mít phía bên đất của gia đình ông H là do ông H trồng, khoảng cách giữa hai hàng mít khoảng 50cm. Tại thời điểm chuyển nhượng gia đình ông H đã cưa hàng cây mít chỉ còn lại gốc, hiện nay hàng mít phía bên đất gia đình ông Th vẫn còn lại 03 cây. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng hai bên không có đo đạc đất, ông H có ra chỉ ranh giới đất theo hiện trạng từ vị trí 03 cây mít hiện nay vẫn còn gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay (BL 33-35).

[3]. Tại BL số 60 bà Vũ Thị Đ xác định *"Khi tôi vào mua đất cho đến nay thì có những cây mít to đó còn nguyên, cây mít ranh giới đất giữa hai nhà không thay đổi"*. Ông Đào Thanh H là người làm chứng cùng ra chỉ mốc ranh giới xác định: *"Khi đó tôi chỉ mốc phía giáp đất ông Th thì tôi chỉ theo hiện trạng đất mà ông H đang sử dụng là 03 cây mít hiện nay còn sống, tôi khẳng định 03 cây mít hiện còn là của gia đình ông Th sở hữu"*. Bà Mai Thị H (người chuyển nhượng đất cho ông T, bà Đ) xác định: "*Tôi chỉ ranh giới đất và giao đất cho gia đình ông T theo hiện trạng mà gia đình tôi sử dụng ổn định. Phía ranh giới đất ông Th thì tôi chỉ mốc đến 03 cây mít hiện còn sống và khẳng định 03 cây mít hiện nay còn sống là thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Th* (BL 62-63)".

[4]. Người làm chứng ông Đào Lữ H (người chuyển nhượng đất cho ông T, bà Đ), ông Đào Hồng H, ông Trần Văn T, bà Hồ Minh H, bà Phạm Thị T đều xác định ranh giới đất giữa gia đình ông Đào Lữ H và gia đình ông Lê Quốc Th là hai hàng mít, hàng mít phía bên đất của ông Th là do ông Th trồng, hiện nay vẫn còn ba cây mít, ranh giới các bên sử dụng ổn định từ trước đến nay. Thực tế, hiện nay gia đình ông Th vẫn sử dụng đúng ranh giới đất tính từ ba cây mít do ông Th trồng, hàng trụ gỗ, có đoạn rào lưới B40 phía trên đóng bằng cột trụ bê tông (có bản ảnh lưu hồ sơ). Diện tích đất tranh chấp trước đây gia đình ông Th sử dụng làm đường đi, sau đó trồng cà phê, tiêu và một số cây khác sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay. Do đó, gia đình ông Th, bà T không có hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông T, bà Đ nên Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Đ là có căn cứ.

[5]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Quá trình giải quyết ông Th, bà T không thừa nhận có hành vi chặt phá 04 bụi chuối của gia đình ông T. Ông T, bà Đ cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông Th, bà T chặt 04 bụi chuối của gia đình ông, do đó Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Đ là có căn cứ.

[6]. Tuy nhiên, về án phí dân sự sơ thẩm Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Ông T, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông T,

bà Đ, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ. Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà là không phù hợp.

[8]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ. Sửa bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T, bà Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông bà đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 202 của Luật Đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ. Sửa bản án sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đắk Nông về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ đối với ông Lê Quốc Th, bà Lê Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng *(tám trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000192 ngày 05/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp. Trả lại cho ông Hoàng Đức T, bà Vũ Thị Đ 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông bà đã nộp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông bà đã nộp theo biên số 0004784 ngày 19/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất: Ông Hoàng Đức T và bà Vũ Thị Đ phải chịu 5.500.000 đồng *(năm triệu năm trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền mà ông bà đã nộp tạm ứng tại Tòa án huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông và 16.600.000 đồng *(mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất lần thứ

hai, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông T đã nộp tại Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông